

Bản án số: 103/2023/HS-ST
Ngày 23-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Phanhh
2. Ông Triệu Phúc Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp; Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1992 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn G - sinh năm: 1968 và con bà: Lò Thị B - sinh năm 1968; vợ: Lò Thị X - sinh năm 1992; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 01/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Văn P; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1990 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Ở (đã chết) và con bà: Lò Thị L - sinh năm 1953; vợ: Lò Thị D - sinh năm 1990; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 25/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lò Văn M; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại huyện T tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai

Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn B - sinh năm: 1952 và con bà: Lò Thị D - sinh năm 1963; vợ: Lò Thị Đ - sinh năm 1999; con: Chưa có. Tiền sự: không;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Cụ thể: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2016/HS-ST ngày 22/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xử phạt Lò Văn M 07 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”, đến ngày 30/4/2020 Lò Văn M được tha tù trước thời hạn có điều kiện, đến ngày 18/3/2022, Lò Văn M chấp hành xong án phạt tù cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện. Hiện chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị giữ người trong bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Cà Văn S2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cà Văn Ph - sinh năm: 1964 và con bà: Tòng Thị E - sinh năm 1967; vợ: Hoàng Thị P - sinh năm: 1988; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 thì được bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lò Văn S1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn T - sinh năm: 1963 và con bà: Lò Thị O - sinh năm 1964; vợ: Lò Thị N - sinh năm 1989; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lò Văn H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1976 tại huyện Q, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn S (đã chết) và con bà: Lò Thị H (đã chết); vợ: Lò Thị S - sinh năm 1979; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị khởi tố bắt tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Hoàng Văn P; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm

1993 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Đ - sinh năm: 1955 và con bà: Hoàng Thị S - sinh năm 1956; vợ: Lò Thị T - sinh năm 2000; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, đến ngày 16/5/2023 được bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Hoàng Văn N; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Đ- sinh năm: 1955 và con bà: Hoàng Thị S - sinh năm 1956; vợ: Lò Thị S - sinh năm 1990; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 51-QĐ/UBKTHU ngày 19/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Tân Uyên.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Lò Văn P2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn B - sinh năm: 1973 và con bà: Lò Thị Đ - sinh năm 1976; vợ: Lò Thị B - sinh năm 1994; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 52-QĐ/UBKTHU ngày 19/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Tân Uyên.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Tòng Văn Đ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1996 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tòng Văn N - sinh năm: 1976 và con bà: Lò Thị H - sinh năm 1977; vợ: Lò Thị Th - sinh năm 1998; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 25/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Lò Văn Tỉnh; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 2000 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn O (đã chết) và con bà: Lò Thị L - sinh năm 1953; vợ: Lò Thị Q - sinh năm 2000; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 25/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Tòng Văn Tr; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1993 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tòng Văn T - sinh năm: 1959 và con bà: Lò Thị Đn - sinh năm 1964; vợ: Hà Thị L - sinh năm 1994; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 49-QĐ/UBKTHU ngày 19/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Tân Uyên.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 25/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: Lò Văn Mc; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn D – sinh năm: 1976 và con bà: Lò Thị U - sinh năm 1978; vợ: Lò Thị T - sinh năm 1998; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023 đến ngày 16/5/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: Lò Văn H1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1992 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn B - sinh năm: 1952 và con bà: Lò Thị D - sinh năm 1963; vợ: Lò Thị T - sinh năm 1994; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: Lò Văn H2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1995 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc:

Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn S - sinh năm: 1975 và con bà: Lò Thị H - sinh năm 1975; vợ: Cà Thị P - sinh năm 1996; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: **Lò Văn L**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Ph - sinh năm: 1939 và con bà: Lò Thị Đ - sinh năm 1943; vợ: Lò Thị B - sinh năm 1988; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

17. Họ và tên: **Lò Văn Đ4**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1984 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn H - sinh năm: 1944 và con bà: Lò Thị Đ (đã chết); vợ: Lò Thị L - sinh năm 1984; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

18. Họ và tên: **Lò Văn L1**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1998 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn S - sinh năm: 1976 và con bà: Lò Thị P - sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 58-QĐ/UBKTHU ngày 29/8/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Tân Uyên.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2023, đến ngày 16/5/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

19. Họ và tên: **Hoàng Văn T6**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1983 tại huyện T tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Đ- sinh năm: 1955 và con bà: Hoàng Thị S - sinh năm 1956; vợ: Lò Thị N - sinh năm 1983; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

20. Họ và tên: **Lò Văn T7**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1968 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn L (đã chết) và con bà: Lò Thị P (đã chết); vợ: Lò Thị B - sinh năm 1969; con: có 07 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, đến ngày 16/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

21. Họ và tên: **Lò Văn E**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn H - sinh năm: 1944 và con bà: Lò Thị Đ (đã chết); vợ: Lò Thị B - sinh năm 1986; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

22. Họ và tên: **Lò Văn P3**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1992 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn C - sinh năm: 1960 và con bà: Lò Thị L - sinh năm 1969; vợ: Lò Thị S - sinh năm 1998; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 50-QĐ/UBKTHU ngày 19/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Tân Uyên.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

23. Họ và tên: **Lò Văn M3**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1982 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn O (đã chết) và con bà: Lò Thị L - sinh năm 1953; vợ: Lò Thị D - sinh năm 1984; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023, đến ngày 05/7/2023 được áp dụng biện pháp bảo

lĩnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

24. Họ và tên: Lò Văn C; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1997 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Th (đã chết) và con bà: Lò Thị M - sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Lò Văn C 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 29/9/2017, Lò Văn C chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Lò Văn C đã thi hành xong về án phí. Hiện đã được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2023, đến ngày 16/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

25. Họ và tên: Lò Văn Đ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1995 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn O (đã chết) và con bà: Lò Thị L - sinh năm 1953; vợ: Cà Thị B - sinh năm 1996; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

26. Họ và tên: Lò Văn Đ1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1981 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn D - sinh năm: 1952 và con bà: Lò Thị L (đã chết); vợ: Lò Thị Đ - sinh năm 1984; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

27. Họ và tên: Lò Văn D; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1976 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn O (đã chết) và con bà: Lò Thị L - sinh năm 1953; vợ: Lường Thị U - sinh năm 1983; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

28. Họ và tên: **Lò Văn M2**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1991 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Th (đã chết) và con bà: Lò Thị M - sinh năm 1962; vợ: Lò Thị B - sinh năm 1990; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

29. Họ và tên: **Lường Văn P4**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1995 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn S - sinh năm: 1964 và con bà: Hoàng Thị P - sinh năm 1970; vợ: Lò Thị P - sinh năm 1995; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

30. Họ và tên: **Lò Văn T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1998 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn T - sinh năm: 1968 và con bà: Lò Thị B - sinh năm 1969; vợ: Lò Thị X - sinh năm 1999; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị khởi tố ngày 16/6/2023 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

31. Họ và tên: **Lò Văn Tỉnh**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn D - sinh năm: 1962 và con bà: Lò Thị S - sinh năm 1974; vợ: Lò Thị T - sinh năm 1994; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2023, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 25/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Nguyễn Công Hưởng, ông Lê Mạnh*

Hùng, bà Nông Thị Minh Hạnh (đều là trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu), ông Nguyễn Xuân Oánh (Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu).

Ông Nguyễn Công Hường, ông Lê Mạnh Hùng, ông Nguyễn Xuân Oánh đều có mặt.

Bà Nông Thị Minh Hạnh có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người phiên dịch tiếng Thái*: Ông Lò Văn Thu, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (có mặt).

* *Người làm chứng*:

1. Anh Lò Văn H5 - sinh năm: 1972. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, (vắng mặt).

2. Anh Lò Văn Tn - sinh năm: 1970. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 06/5/2023 tại bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, sau khi làm thủ tục M2 táng cho bố đẻ là ông Lò Văn Thanh xong thì hai con trai ông là Lò Văn M2, Lò Văn C và gia đình đã làm cơm để cảm ơn những người đã đến thăm viếng, động viên gia đình. Khoảng 19 giờ đến 21 giờ ngày 06/5/2023, Lò Văn M, Lò Văn H, Lò Văn L, Lò Văn P3, Lò Văn S1, Tòng Văn Đ, Lò Văn M3, Lò Văn Đ4, Lò Văn L1, Lò Văn Tỉnh, sinh năm 2000; Hoàng Văn N, Hoàng Văn T6, Tòng Văn Tr, Lò Văn Tỉnh, sinh năm 1994; Lò Văn C; Cà Văn S2, Lò Văn H2, Lò Văn Mc, Lò Văn P, Hoàng Văn P, Lò Văn P2, Lò Văn T7, Lò Văn H1, Lường Văn P4, Lò Văn E, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn T cùng trú tại bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cùng đến nhà C và M2 mục đích để ăn cơm, thăm viếng, động viên gia đình.

Khi đi đến nhà C và M2, Lò Văn H đi bộ, cầm theo số tiền 50.000 đồng, Lò Văn P2 mang theo số tiền 150.000 đồng, Lò Văn T7 mang theo số tiền 50.000 đồng, Lò Văn L1 mang theo số tiền 60.000 đồng; Lò Văn T1 (sinh năm 2000), điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 25U1-04290 và mang theo số tiền 100.000 đồng, Lò Văn Mc điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA số loại Sirius, màu sơn đen, biển kiểm soát 25B1-48657 mang theo số tiền 100.000 đồng; Cà Văn S2 điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave S, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 25F5-1067 và mang theo số tiền 500.000 đồng, Hoàng Văn P mang theo số tiền 30.000 đồng; Lường Văn P4 mang theo số tiền 10.000 đồng; Lò Văn P điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Winner, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 25U1-06274 và mang theo số tiền 200.000 đồng; Tòng Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Winner X, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 25U1- 06881 và số tiền

110.000 đồng; Lò Văn P3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Winner, màu đỏ, biển kiểm soát 25U1- 06808 và số tiền 45.000 đồng; Lò Văn H2 mang theo số tiền 100.000 đồng; Lò Văn T2(*sinh năm 1994*) không mang theo tiền; Tòng Văn Tr mang theo số tiền 100.000 đồng (*vay của Lò Văn L1*); Lò Văn Đ4 mang theo số tiền 60.000 đồng; Lò Văn H1 mang theo số tiền 100.000 đồng; Lò Văn E mang theo số tiền 50.000 đồng; Lò Văn D mang theo số tiền 20.000 đồng; Lò Văn T mang theo số tiền 10.000 đồng; Lò Văn Đ1 mang theo số tiền 20.000 đồng; Lò Văn S1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu trắng - đen, biển kiểm soát 25U1-02225 và mang theo số tiền 50.000 đồng; Lò Văn L điều khiển 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu đỏ-đen-trắng, biển kiểm soát 25U1-02284 và mang theo số tiền 60.000 đồng; Hoàng Văn T6 mang theo số tiền 50.000 đồng; Lò Văn M mang theo số tiền 150.000 đồng; Lò Văn M3 mang theo số tiền 40.000 đồng; Hoàng Văn N mang theo số tiền 200.000 đồng và Lò Văn Đ mang theo số tiền 30.000 đồng.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm, uống rượu xong thì Lò Văn H nghỉ không uống rượu nữa mà ra ngoài nói chuyện với Lò Văn L1 (*là em họ của Lò Văn Mn, sinh năm 1988, con trai ông Thanh, chủ nhà*) về việc muốn đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền nhưng L1 nói là “*Anh Mn quán triệt là không cho đánh bạc*” nên L1 không đồng ý cho H chuẩn bị công cụ để đánh bạc. Sau đó, H không nói gì và tự ý đi vào nhà C lấy 01 chiếc bát sứ màu trắng, phía dưới đáy bát có chữ BT màu xanh và 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, phía dưới mặt đáy đĩa có in chữ B-T màu trắng có nền sơn màu đỏ tại vị trí bếp trên nhà C để đánh bạc rồi H lấy 01 que đóm bằng tre khô và dùng dây xăm xe (*dây cao su*) ở dưới sàn nhà đốt lên để hơ cho 01 mặt que đóm có một mặt màu đen, mặt còn lại để nguyên màu trắng sau đó cắt thành 04 quân vị hình chữ nhật có kích thước như nhau. Sau khi chuẩn bị được bát, đĩa, quân vị thì H mang ra ngoài đường dân sinh làm bằng bê tông, trước cổng nhà C để đánh bạc, khi H đi ra đến đường bê tông thì thấy 01 Tn gỗ hình trụ tròn, màu nâu có tổng chiều dài 128,3cm, đường kính 02cm đang để ở đường nên Lò Văn H nhặt lấy và đặt giữa đường để P3 chia thành hai bên là chắn, lẻ để những người tham gia đánh bạc đặt tiền (*Tn gậy này H không biết ai chuẩn bị từ trước*).

Khi P đi vào nhà ông Lò Văn Thanh để hỏi thăm gia đình khoảng 15 phút rồi đi xuống dưới sàn nhà thì thấy H, L1, Đ, Tr, P3, C và nhiều người dân trong bản đang đứng tại đường và đang xóc thử quân vị trong bát (*không nhớ ai xóc*), lúc này P muốn tham gia đánh bạc nên đã cúi xuống cầm lấy bát đĩa đang đặt tại nền đường bê tông xóc thử 02 lần và mở bát kiểm tra quân vị thấy có 04 quân vị được làm bằng que đóm tre màu trắng, đen, P xóc hai lần về cửa chắn sau đó đứng dậy thì có nghe tiếng người dân nói “*Đánh đi*”, (*không biết ai nói*) nên P hiểu là đặt tiền để đánh bạc đi, bản thân P và mọi người có mặt đều đồng ý cùng tham gia đánh bạc xóc đĩa.

Về hình thức đánh bạc các bị cáo thống nhất như sau: Khi người cầm cái xóc 04 quân vị làm bằng que đóm (*tre*) một mặt đen và một mặt trắng được úp trong bát và đĩa rồi đặt xuống mặt đường cho những người chơi đoán để đặt cược, ai thích đánh chắn hay lẻ thì đặt tiền vào cửa chắn hoặc cửa lẻ được P3 định bằng Tn gỗ. Khi mọi người đã cá cược xong, người cầm cái mở bát, nếu bốn quân vị màu đen hoặc màu trắng hoặc 02 quân vị màu đen, 02 quân vị màu trắng là chắn thì người nào đặt cửa chắn sẽ thắng cược, người đặt tiền cửa “lẻ” thua cược và ngược lại nếu ba quân vị màu đen 01 quân vị màu trắng hay 03 quân vị màu trắng, 01 quân vị màu đen là lẻ thì những người đặt cửa lẻ sẽ thắng cược, người đặt tiền cược cửa “chắn” bị thua cược. Mỗi ván không giới hạn số tiền đặt cược; một người có thể cá cược với nhiều người, mỗi lần chơi không quy định số người cụ thể, số tiền đánh bạc được lần trước được sử dụng để tham gia đánh lần sau, không bắt buộc phải cá cược với người cầm cái mà người xóc đĩa chỉ xóc để cho những người trong sới bạc đánh bạc với nhau và có thể đánh với bất kỳ ai trong sới bạc. Người chơi tự đặt cược với nhau, người thua sẽ phải trả tiền cho người người thắng cược theo tỷ lệ “1:1”.

Khi bắt đầu đánh bạc, Lò Văn P là người xóc cái đầu tiên, sau đó Tòng Văn Đ, Lò Văn T sinh năm 1994, Lò Văn T2 sinh năm 2000, Lò Văn P, Lò Văn M, Cà Văn S2, Lò Văn H, Lò Văn S1 thay nhau xóc cái để người khác cùng chơi. Ban đầu có Lò Văn H, Lò Văn P, Lò Văn H2, Tòng Văn Đ, Lò Văn Đ4, Lò Văn T7, Hoàng Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn H1, Lò Văn E, Lò Văn D, Lò Văn T; Lò Văn Đ1; Lường Văn P4 tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Lò Văn E thua hết 50.000 đồng; Lò Văn D thua hết 20.000 đồng; Lường Văn P4 thua hết 10.000 đồng; Lò Văn Đ1 thua hết 20.000 đồng nên nghỉ về nhà trước còn những con bạc khác tiếp tục đánh bạc.

Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày Lò Văn H4 điều khiển 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 26H1-07133 chở theo anh trai Lò Văn H5 đi từ nhà tại Q, Sơn La với mục đích đi xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên để tìm mua dừa chuột về bán kiếm lời. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì Hoá điều khiển xe chở H5 đến nghỉ lại nhà của người quen tại bản N, xã TM, huyện Tân Uyên. Sau đó, H thấy nhiều người dân trong bản N tụ tập trên đường nên đến xem và thấy nhiều người đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa nên Hoá cầm số tiền 630.000 đồng để tham gia đánh bạc còn H5 đứng xem không tham gia đánh bạc cùng. Lúc này, Lò Văn Đn, sinh năm 1974, Lò Văn L, sinh năm 1972, Lò Văn Tn, sinh năm 1970, cùng trú tại bản Pá Bó, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La đi câu cá tại bến phà N thuộc bản N, xã TM, huyện Tân Uyên về và ngủ nhờ tại nhà bà Lò Thị Định, sinh năm 1981, trú tại bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, sau khi nghe thấy người dân trong bản N đang

đánh bạc Đn, L, Tn đã ra vị trí các bị can đánh bạc để xem nhưng Đn, L, Tn không tham gia đánh bạc.

Khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, khi thấy H cùng các bị cáo khác đang đánh bạc ở ngoài đường thì các bị cáo S1, L, Túc, M, M3, Nước, Đoàn đã sử dụng số tiền mang theo trên người để tham gia đánh bạc. Cụ thể: Lò Văn P3 dùng số tiền 45.000 đồng; Tòng Văn Tr dùng số tiền 100.000 đồng, Lò Văn S1 dùng số tiền 50.000 đồng; Lò Văn L dùng số tiền 60.000 đồng; Hoàng Văn T6 dùng số tiền 50.000 đồng; Lò Văn M dùng số tiền 150.000 đồng; Lò Văn M3 dùng số tiền 40.000 đồng; Hoàng Văn N dùng số tiền 200.000 đồng; Lò Văn Đ dùng số tiền 30.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Lúc này Lò Văn M2, Lò Văn C, Lò Văn L1 sau khi thu xếp xong công việc gia đình đã đi xuống dưới sân nhà và ra vị trí trước cổng nhà để xem người dân đánh bạc, M2 thấy Hoàng Văn N, Lò Văn L đang đánh bạc nên đã sử dụng số tiền 20.000 đồng mang theo để đánh cược một ván 10.000 đồng với Nước, kết quả M2 thắng được 10.000 đồng thì nghỉ chơi và cầm theo 30.000 đồng để lên nhà tiếp tục thu xếp công việc của gia đình còn bị cáo L1 sử dụng số tiền 60.000 đồng; C sử dụng số tiền 30.000 đồng đang có để đánh bạc cùng các bị cáo khác. Lò Văn P2 sử dụng số tiền 150.000 đồng; Lò Văn T2(sinh năm 1994) xin mở bát chịu 50.000 đồng và thắng được 50.000 đồng của con bạc khác trên sới nên đã sử dụng 50.000 đồng để tiếp tục đánh bạc; Lò Văn Mc sử dụng số tiền 100.000 đồng; Lò Văn T1 (sinh năm 2000) sử dụng số tiền 100.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác. Sau đó Lò Văn T7 thua hết 20.000 đồng; Lò Văn C thua hết 30.000 đồng; Lò Văn H1 thua hết 100.000 đồng; Lò Văn T thua hết 10.000 đồng nên về trước còn Hoàng Văn P thua hết 30.000 đồng nhưng vẫn đứng tại sới bạc để xem các con bạc đánh bạc.

Đến khoảng 00 giờ ngày 07/5/2023 thì Lò Văn L1 thua hết 60.000 đồng nên đã nghỉ đánh bạc và đứng xem khoảng 10 phút sau đó đi vào nhà Lò Văn C; Tòng Văn Tr thua hết 100.000 đồng nên đã nghỉ đánh bạc sau đó vào nhà Lò Văn Mn, sinh năm 1988 (*Anh trai Lò Văn C*) ngồi chơi; Lò Văn Đ thua hết 30.000 đồng nên nghỉ đánh bạc và đi vào sân nhà ông Thanh canh đó để hút thuốc lã.

Hồi 00 giờ 10 phút, ngày 07/5/2023, tại bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Tòng Văn Đ, Lò Văn Đ4, Lò Văn M3, Lò Văn P3, Lò Văn L, Lò Văn S1, Lò Văn H, Lò Văn M, Lò Văn P2, Lò Văn T2sinh năm 1994, Lò Văn H2, Hoàng Văn N, Lò Văn Mc, Hoàng Văn T6, Lò Văn T2sinh năm 2000, Cà Văn S2, Lò Văn P, Lò Văn H4 và nhiều người dân trong bản đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa và có Hoàng Văn P đang đứng xem thì bị tổ công tác của Công an huyện Tân Uyên phát hiện, truy bắt, do nơi đánh bạc gần nơi tổ chức đám hiếu, trong sới bạc có nhiều người tham gia, nhiều người đứng xem nên khi thấy lực lượng Công an đến các con bạc đã cầm tiền bỏ chạy.

Quá trình làm việc lực lượng Công an đã không chế được 08 người gồm Tòng Văn Đ; Lò Văn Đ4; Lò Văn S1; Lò Văn H; Lò Văn M; Lò Văn M3; Lò Văn P3; Hoàng Văn L còn lại các bị cáo khác cùng nhiều người dân đã cầm theo tiền bỏ chạy.

Cùng ngày 07/5/2023, Lò Văn T1 (sinh năm 2000) đầu thú và giao nộp số tiền 1.100.000 đồng, Lò Văn T2 (sinh năm 1994) đầu thú và giao nộp số tiền 600.000 đồng, Cà Văn S2 đầu thú và giao nộp số tiền 310.000 đồng, Hoàng Văn T6 đầu thú và giao nộp số tiền 250.000 đồng, Lò Văn H2, Lò Văn P và đầu thú và giao nộp mỗi người số tiền 200.000 đồng, Hoàng Văn N đầu thú và giao nộp số tiền 120.000 đồng, Lò Văn T7 đầu thú và giao nộp số tiền 30.000 đồng, tổng cộng số tiền giao nộp là 3.010.000 đồng, đây đều là số tiền các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền thu tại chiếu bạc và số tiền các bị cáo giao nộp là tiền đã dùng để đánh bạc là 5.220.000 đồng; cùng ngày Lò Văn C, Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Hoàng Văn P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên đầu thú về hành vi phạm tội của mình; ngày 11/5/2023, Lò Văn E, Lò Văn T, Lò Văn D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên đầu thú về hành vi phạm tội của mình; Ngày 12/5/2023, Lò Văn H1, Lò Văn Đ1, Lò Văn Đ, Lương Văn P4 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên đầu thú về hành vi phạm tội của mình; ngày 02/6/2023, Lò Văn M2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

* *Vật chứng thu giữ tại hiện trường và trong quá trình lập biên bản vụ việc: số tiền 2.210.000 đồng; 01 chiếc bát sứ màu trắng, phía dưới đáy bát có chữ BT màu xanh và 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, phía dưới mặt đáy đĩa có in chữ B-T màu trắng có nền sơn màu đỏ; 04 quân vị 01 mặt màu trắng, 01 mặt màu đen và 01 Tn gỗ hình trụ tròn, màu nâu có tổng chiều dài 128,3cm, đường kính 02cm.*

Ngoài ra còn thu giữ tại hiện trường kEm theo biên bản vụ việc gồm 12 xe mô tô các loại (trong đó, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 25U1-04290 của Lò Văn T2 sinh năm 2000; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA số loại Sirius, màu sơn đen, biển kiểm soát 25B1-486.57 của Lò Văn Mc; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave S, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 25F5-1067 của Cà Văn S2; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Winner, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 25U1-062.74 của Lò Văn P; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Winner X, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 25U1-068.81 của Tòng Văn Đ; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 26H1-071.33 của Lò Văn H4; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu trắng đen, biển kiểm soát 25U1-022.25 của Lò Văn S1; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Winner, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 25U1-068.08 của Lò Văn P3; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen trắng, biển kiểm soát 25U1-022.84

của Lò Văn L; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Future, màu nâu vàng đen, biển kiểm soát 26H1-009.32 của Lò Văn L, sinh năm 1972; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Blade màu đen trắng đỏ, biển kiểm soát 26H1-074.17 của Lò Văn Đn, sinh năm 1974; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại NOUVO, màu vàng nâu, biển kiểm soát 30X8-8704 của Lương Văn Pán) các xe đều xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

* *Vật chứng không thu giữ được*: Số tiền 600.000 đồng Lò Văn H4 khai dùng để đánh bạc nhưng khi lực lượng Công an đến đã cầm bỏ chạy và chi tiêu cá nhân hết; số tiền 30.000 đồng của Lò Văn M2 (gồm số tiền 20.000 đồng dùng để đánh bạc và 10.000 đồng là số tiền thắng bạc), Lò Văn M2 đã chi tiêu cá nhân hết.

- Tại bản Kết luận giám định số: 617/KL - KTHS ngày 01/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Số tiền 5.220.000 đồng gửi đến giám định là tiền thật.

Bản Cáo trạng số 81/CT -VKS - TU, ngày 22/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên để xét xử các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Lò Văn M, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Lò Văn L1, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn C, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(sinh năm 1994) cùng về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố tất cả các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm hình sự:

* Hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn M từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2023.

+Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn C từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Giao UBND xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đề nghị: Xử phạt bị cáo Lò Văn H, Lò Văn Hoá, Cà Văn S2, Tòng Văn Đ, Lò Văn P2, Lò Văn P mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt Lò Văn S1, Hoàng Văn N, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Hoàng Văn T6, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn T2(2000), Lò Văn T2(1994), Hoàng Văn P, Lò Văn Mc, Lò Văn T7, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn H1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lường Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn E từ 06 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Tòng Văn Tr 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn L1 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tuyên:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.220.000 đồng mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc bát sứ màu trắng, phía dưới đáy bát có chữ BT màu xanh; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, phía dưới mặt đáy đĩa có in chữ BT màu đỏ; 04 quân vị 01 mặt màu trắng, 01 mặt màu đen và 01 Tn gỗ hình trụ tròn, màu nâu có tổng chiều dài 128,3cm, đường kính 02cm là vật dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Truy thu của Lò Văn Hoá số tiền 600.000 đồng, Lò Văn M2 số tiền 30.000 đồng, đây là tiền Hoá và M2 dùng vào việc phạm tội đã tiêu xài cá nhân hết.

* Những người bào chữa cho các bị cáo sau khi P3 tích đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tất cả các bị cáo đều nhất trí với phần tội danh và các điều luật mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên đề nghị HĐXX áp dụng đối với tất cả các bị cáo. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo L1 được hưởng án phạt tiền ở mức thấp nhất là 20.000 đồng, đề nghị xử phạt bị cáo M hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, đề nghị cho bị cáo C được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo C được hưởng án treo, đề nghị cho tất cả các bị cáo còn lại được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các bị cáo đều đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có tranh luận gì. Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Tất cả các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận và đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, biên bản đầu thú, lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Từ khoảng 22 giờ ngày 06/5/2023 đến 00 giờ 10 phút, ngày 07/5/2023, tại đường dân sinh thuộc bản N, xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Lò Văn H, Lò Văn P, Lò Văn M, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Lò Văn L1, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn C, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(*sinh năm 1994*) đã có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng dưới hình thức “Xóc đĩa”. Đến 00 giờ 10 phút, ngày 07/5/2023 khi các bị cáo đang đánh bạc trái phép thì bị Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát hiện. Vật chứng thu giữ tại hiện trường và trong quá trình lập biên bản vụ việc gồm số tiền 2.210.000 đồng; 01 bộ bắt đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân vị làm bằng que tre, 01 mặt màu trắng, 01 mặt màu đen; 01 đoạn Tn gỗ dài 1,28m, đường kính nơi rộng nhất 02cm. Cùng ngày 07/5/2023, Lò Văn T1 (sinh năm 2000) đầu thú và giao nộp số tiền 1.100.000 đồng, Lò Văn T2(*sinh năm 1994*) đầu thú và giao nộp số tiền 600.000 đồng, Cà Văn S2 đầu thú và giao nộp số tiền 310.000 đồng, Hoàng Văn T6 đầu thú và giao nộp số tiền 250.000 đồng, Lò Văn H2, Lò Văn P và đầu thú và mỗi người giao nộp số tiền 200.000 đồng, Hoàng Văn N đầu thú và giao nộp số tiền 120.000 đồng, Lò Văn T7 đầu thú và giao nộp số tiền 30.000 đồng, tổng cộng số tiền giao nộp là 3.010.000 đồng, đây đều là số tiền các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền 31 bị cáo đã dùng để đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa là 5.850.000 đồng, trong đó số tiền thu giữ tại chiếu bạc: 2.210.000 đồng, số tiền các bị cáo đầu thú giao nộp là 3.010.000 đồng, số tiền các bị cáo thừa nhận dùng để đánh bạc không thu giữ được là 630.000 đồng.

Các bị cáo đều là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì hám lợi, muốn kiếm tiền bằng nguồn thu nH2 bất chính mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an tại địa phương và là nguyên nhân gây ra những tội phạm khác, do vậy cần phải xử lý nghiêm M3 trước pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lò Văn M phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, do vậy tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Lò Văn L1, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(sinh năm 1994) phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lò Văn L1, Tòng Văn Tr là người có thành tích xuất sắc trong công tác: Năm 2019, Tòng Văn Tr được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng bằng khen, năm 2021 Lò Văn L1 được Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu tặng bằng khen nên bị cáo L1, Tra được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo gồm: Lò Văn P, Cà Văn S2, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L1, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn C, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(sinh năm 1994) đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của

mình. Các bị cáo Lò Văn C, Lò Văn L1, Lò Văn M2, Lò Văn P2, Lò Văn S1, Lò Văn H có cùng ông nội là ông Lò Văn Khất được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; Các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn N có bố đẻ là ông Hoàng Văn Đồi tham gia dân công hỏa tuyến và có ông nội là ông Hoàng Văn Thằng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; Các bị cáo Tòng Văn Đ, Tòng Văn Tr là cháu của ông Tòng Văn Phử được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; các bị cáo Lò Văn M2, Lò Văn C có bố đẻ là ông Lò Văn Thanh tham gia dân công hỏa tuyến; các bị cáo Lò Văn M, Lò Văn H1 có bố đẻ là ông Lò Văn Bình tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo Lò Văn H4 có bố đẻ là ông Lò Văn Sen có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến; các bị cáo M2, H đã nộp lại tiền dùng để đánh bạc và thu lợi từ việc đánh bạc nên tất cả các bị cáo trên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức P3 công, không có người cầm đầu, đều là người thực hành. Trong vụ án này, bị cáo Lò Văn H là người chuẩn bị các công cụ đánh bạc, đồng thời đánh bạc cùng các bị cáo khác. Các bị cáo còn lại đều giữ vai trò đồng phạm thực hành tham gia đánh bạc, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lò Văn M, bị cáo là người đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo chưa tốt, tuy nhiên xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo góp phần giúp cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án, số tiền đánh bạc của bị cáo ít (150.000 đồng), bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, trình độ học vấn không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bố của bị cáo có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến phục vụ cách mạng. Do vậy khi lượng hình hội đồng xét xử cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, vừa đảm bảo tính khoan hồng trong chính sách pháp luật của Nhà nước.

Đối với bị cáo Lò Văn C, năm 2016 bị cáo đã Tòa án bị xử phạt 01 năm tù về tội cố ý gây thương tích, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương từ ngày 29/9/2017 và đã được xóa án tích. Từ khi trở về địa phương, ngoài lần phạm tội này bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương nơi cư trú, xét thấy tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đánh bạc với số tiền rất ít (30.000 đồng) và là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về H dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương

nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lò Văn L1, bị cáo hiện nay đang làm hợp đồng tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Sỏ, bị cáo có việc làm và thu nhập ổn định, quá trình công tác đạt nhiều thành tích xuất sắc được Chủ tịch Mặt trận tổ quốc tỉnh Lai Châu tặng bằng khen, bị cáo đánh bạc với số tiền rất ít, hơn nữa bị cáo có các tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i, v khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và công tác giáo dục phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2 (sinh năm 1994), xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và rất nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt; có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này thì các bị cáo đều chấp hành tốt quy định của pháp luật, có khả năng tự cải tạo được nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ cũng đã đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với các bị cáo và công tác đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Do vậy quan điểm đề nghị về phần tội danh và hình phạt của đại viện Viện Kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở cần được chấp nhận. Tuy nhiên đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù, phạt cải tạo không giam giữ ở mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

- Đối với các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2 (sinh năm 1994). Xét thấy các bị cáo đều sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo Tỉnh (sinh năm 1994), P, S2, H1, Đoàn đều thuộc hộ gia đình cận nghèo. Các bị cáo H2, P4 thuộc gia đình hộ nghèo, các bị cáo đều làm ruộng, thu nhập thấp và không ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với tất cả các bị cáo.

- Đối với bị cáo Lò Văn M, Lò Văn C xét thấy các bị cáo đều sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo M thuộc hộ gia đình cận

nghèo. Các bị cáo đều làm ruộng, thu nhập thấp và không ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- **Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lò Văn L1.**

[5] Về xử lý vật chứng:

- *Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra:*

+ Đối với 12 xe mô tô các loại thu giữ theo biên bản vụ việc vào ngày 07/5/2023 không liên quan đến việc đánh bạc nên ngày 01/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 12 xe mô tô cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định. Các chủ sở hữu hợp pháp đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Đối với số tiền 5.220.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 chiếc bát sứ màu trắng, phía dưới đáy bát có chữ BT màu xanh; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, phía dưới mặt đáy đĩa có in chữ BT màu đỏ; 04 quân vị 01 mặt màu trắng, 01 mặt màu đen và 01 Thanh gỗ hình trụ tròn, màu nâu có tổng chiều dài 128,3cm, đường kính 02cm đều là công cụ để đánh bạc xét thấy không còn giá trị sử dụng và gia đình anh Lò Văn Mn không có nguyện vọng xin lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- *Về vật chứng là số tiền Đánh bạc chưa được thu giữ trong quá trình điều tra:* Bị cáo Lò Văn M2 sử dụng 20.000 đồng để đánh bạc và đánh thắng số tiền 10.000 đồng. Bị cáo Lò Văn H4 sử dụng 630.000 đồng để đánh bạc và thua 30.000 đồng, còn số tiền 600.000 đồng bị cáo đang định tiếp tục sử dụng để đánh bạc thì bị Công an huyện Tân Uyên phát hiện nên bị cáo H đã cầm 600.000 đồng bỏ chạy. Đây là số tiền các bị cáo H, M2 dùng làm phương tiện phạm tội, tiền bị cáo M2 thu lời bất chính từ hành vi đánh bạc vì vậy cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo H, M2 đã thực hiện xong khoản tiền truy thu.

[6] Về án phí: Các bị cáo Lò Văn T2(sinh năm 1994), Lò Văn M, Hoàng Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn H1, Lò Văn Đ đều thuộc hộ gia đình cận nghèo. Các bị cáo Lò Văn H2, Lương Văn P4 thuộc hộ gia đình hộ nghèo. Tất cả các bị cáo trong vụ án đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đều xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho tất cả các bị cáo.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về các hành vi, đối tượng liên quan trong vụ án:

Trong vụ án này còn có nhiều người tham gia đánh bạc đã bỏ chạy. Quá trình điều tra không xác định được nên không có căn cứ để xử lý.

Trong vụ án này có Lò Văn H5, Lò Văn Đn, Lò Văn L, Lò Văn Tn có tham gia xem các bị cáo đánh bạc mà không tham gia đánh bạc. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Trong vụ án này, Lò Văn H là người chuẩn bị các công cụ phương tiện để những người khác tham gia đánh bạc. Quá trình điều tra xác định H chuẩn bị công cụ đó để H cùng những người khác tham gia đánh bạc với nhau tại đường dân sinh của bản N, xã TM, huyện Tân Uyên và H không rủ rê, lôi kéo và không thu tiền của bất cứ ai, không tổ chức đánh bạc tại địa điểm thuộc quyền sở hữu của H do đó, hành vi của Lò Văn H không phạm tội “*Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc*” quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lò Văn H lấy bát, đĩa của gia đình Lò Văn Mn để đánh bạc. Quá trình điều tra xác định Lò Văn Mn không biết nên Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Lò Văn M, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Lò Văn L1, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn C, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(sinh năm 1994) phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn M. Xử phạt bị cáo **Lò Văn M** 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2023.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Lò Văn M.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn C. Xử phạt bị cáo **Lò Văn C** 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn C cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lò Văn C thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Lò Văn C cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Lò Văn C.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò

Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lương Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(sinh năm 1994:

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn H 22** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 87 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 01/8/2023), quy đổi ra thời gian 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 13 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn H4 21** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 100 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 16/6/2023 đến ngày 23/9/2023), quy đổi ra thời gian 10 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Cà Văn S2 20** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn P 18** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 80 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 25/7/2023), quy đổi ra thời gian 08 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 10 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Tòng Văn Đ 18** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 80 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 25/7/2023), quy đổi ra thời gian 08 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 10 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn P2 18** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn N 18** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn H2 16** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 10 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn Mc 16** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 16/5/2023), quy đổi ra thời gian 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 15 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn T1 (sinh năm 2000) 16** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 80 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 25/7/2023), quy đổi ra thời gian 08 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn Đ4 14** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn S1 14** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn M3 14** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn P3 14** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn L 14** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn T2**(sinh năm 1994) **12** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 80 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 25/7/2023), quy đổi ra thời gian 08 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn T7 12** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 16/5/2023), quy đổi ra thời gian 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T6 12** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 60 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 05/7/2023), quy đổi ra thời gian 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn P 12** tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 16/5/2023), quy đổi ra thời gian 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn H1 09** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn E 08** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn Đ 07** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn D 07** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn Đ1 07** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn T 07** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lường Văn P4** 07 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Lò Văn M2** 06 tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Tòng Văn Tr**:

+ Xử phạt bị cáo **Tòng Văn Tr** 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 80 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2023 đến ngày 25/7/2023), quy đổi ra thời gian 08 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lường Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(*sinh năm 1994*), Tòng Văn Tr được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lường Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(*sinh năm 1994*), Tòng Văn Tr cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Lò Văn H4 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, miễn khấu trừ thu nH2 và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lường Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(*sinh năm 1994*), Tòng Văn Tr.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 34 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lò Văn L1**, xử phạt bị cáo Lò Văn L1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Xử lý đối với số vật chứng mà Cơ quan điều tra thu giữ, cụ thể như sau:*

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 5.220.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp bìa cát tông màu xanh bên trong đựng 01 chiếc bát

sứ màu trắng, phía dưới đáy bát có chữ BT màu xanh; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, phía dưới mặt đáy đĩa có in chữ BT màu xanh; 04 quân vị được làm bằng que đóm tre có hai mặt màu trắng, đen tất cả đều đã qua sử dụng. Được niêm phong theo quy định; 01 thanh gỗ hình trụ tròn, màu nâu có tổng chiều dài 128,3cm, đường kính 2cm đã qua sử dụng.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng hồi 09 giờ 10 phút, ngày 22/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu).

** Truy thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền là phương tiện phạm tội, tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, cụ thể:*

- Buộc bị cáo Lò Văn M2 phải nộp lại số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Lò Văn M2 đã nộp 30.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/00001818 ngày 23/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, bị cáo đã thi hành xong khoản tiền truy thu.

- Buộc bị cáo Lò Văn H4 phải nộp lại số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Lò Văn H4 đã nộp 600.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/00001819 ngày 23/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, bị cáo đã thi hành xong khoản tiền truy thu.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P, Lò Văn M, Cà Văn S2, Lò Văn S1, Lò Văn Hoá, Hoàng Văn P, Hoàng Văn N, Lò Văn P2, Tòng Văn Đ, Lò Văn T1 (sinh năm 2000), Tòng Văn Tr, Lò Văn Mc, Lò Văn H1, Lò Văn H2, Lò Văn L, Lò Văn Đ4, Lò Văn L1, Hoàng Văn T6, Lò Văn T7, Lò Văn E, Lò Văn P3, Lò Văn M3, Lò Văn C, Lò Văn Đ, Lò Văn Đ1, Lò Văn D, Lò Văn M2, Lường Văn P4, Lò Văn T, Lò Văn T2(sinh năm 1994).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh

